

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 02 tháng 5 năm 2019  
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983.

Trú tại: Buôn E, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1974

Trú tại: Buôn E, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang H trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới vào tháng 3/2017, đến ngày 23/8/2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H tính tình vũ phu, thường xuyên chửi bới đánh đập

chị, vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn để giữ mái ấm gia đình, khi hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng anh chị, anh H đã xin lỗi chị và hứa sẽ sửa đổi, tuy nhiên sau đó lại chứng nào tật nấy. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị L cảm thấy không còn tình cảm với anh H nên xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/5/2017.

Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị L và anh H không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2019 và quá trình tố tụng tại tòa án bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:

Anh H kết hôn với chị Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới vào tháng 3/2017, đến ngày 23/8/2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng không hiểu nhau, khi anh nói thì chị L không chịu nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi vợ chồng cãi vã trong lúc nóng giận không kiềm chế được thì có xảy ra xô xát, anh có tát vợ một cái và chị L cũng cào vào người anh, đến ngày hôm sau chị L bế con đi bỏ đi, anh đã gọi điện thoại khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, đến khoảng đầu tháng 11/2018 anh đón vợ con về. Vợ chồng anh chị đã hòa giải với nhau và về chung sống. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng anh chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Đến cuối tháng 11/2018 thì chị L tiếp tục bỏ đi. Anh chị đã sống ly thân từ cuối tháng 11/2018 đến nay. Nay chị L xin ly hôn với anh H thì anh H không đồng ý ly hôn, anh H có nguyện vọng xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/5/2017.

Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn, nguyện vọng của anh là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H và chị L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh H và chị L không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; các điều 35; 39; 48; 51; 68; 70; 71; 72; 96; 97; 98; 195; 196; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

**Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: chị L và anh H có một con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/5/2017. Chị L và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung, do cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ. Căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Quang H và xin nuôi con. Đây là quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Bị đơn anh Nguyễn Quang H hiện đang trú tại: Buôn E, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/8/2017, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống

chị L và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có tính gia trưởng, thường xuyên đánh đập chị nên chị sống ly thân với anh H từ cuối năm 2018, bị đơn anh H cũng thừa nhận giữa anh và chị L có mâu thuẫn, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng có xảy ra xô xát. Chị L xin ly hôn, nhưng anh H xin đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con cái trưởng thành.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh H là do anh H có tính gia trưởng, thường xuyên bạo lực, đánh đập chị L nhiều lần, chị L phải bỏ về nhà bác ruột ở thôn Q sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị L và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2017. Khi ly hôn chị L và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Kim N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho con chưa thành niên. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

- *Về tài sản*: Chị L và anh H xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ*: Chị L và anh H xác định không có nợ ai khoản nợ nào nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/5/2017 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009293 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT B, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đình Tuyên**